

Bản án số: **67/2021/HSST**
Ngày 20 – 9 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2021/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 09/9/1984 tại An Phú, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không học ở trường nhưng biết đọc và viết được tên; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1927 (chết) và bà Trương Thị Q, sinh năm 1946 (chết); chị em ruột có 05 người, bị cáo là người nhỏ nhất; chồng tên Nguyễn Văn B1, sinh năm 1982 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2014.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, lớn lên không đi học, lập gia đình sống tại địa phương.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V: Ông Lê Hùng Tuấn - Luật sư Văn phòng luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Huỳnh Xuân B, sinh năm 1976; cư trú: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; cư trú: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1977; cư trú: Ấp KH, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 2001; cư trú: Ấp B, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

5. Ông Lê Quốc N, sinh năm 1989; cư trú: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1974; cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Ông Lê Quốc T2, sinh năm 1974; cư trú: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người chứng kiến đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/3/2021, Nguyễn Thị Cẩm V gọi điện đến Công an thị trấn Long Bình tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Sau khi nhận được tin báo, Công an thị trấn Long Bình phối hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế Ma túy Công an huyện An Phú đến nơi ở của V thuộc ấp Tân Thạnh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú để kiểm tra. Lúc này, V tự nguyện giao nộp 03 bọc nilon trong suốt được hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng xác định là ma túy đá. Nên, Lực lượng Công an lập biên bản tiếp nhận người phạm tội tự thú đối với V cùng tang vật.

Qua lời khai của V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú tiếp tục khám xét khẩn cấp nơi ở của Huỳnh Xuân B tại ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú phát hiện thu giữ: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) cái áo sơ mi sọc tay ngắn; 01 bọc nilon trong suốt được hàn kín và 01 bọc nilon trong suốt có rãnh khóa viền màu đỏ (bên trong 02 bọc nilon đều chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú làm việc với B, B xác định 02 bọc nilon trong suốt được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng không phải là ma túy. Sau đó, Lực lượng Công an tiến hành thu giữ, niêm phong tang vật có liên quan để tiếp tục điều tra làm rõ.

Căn cứ Kết luận giám định số 59/KLGT-PC09 (MT) ngày 23/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín lại bên ngoài có chữ ký của Lê Thị Diễm, Nguyễn Văn Út, Huỳnh Văn V, Nguyễn Thị Cẩm V và được đóng dấu

giáp lai bằng dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn Long Bình, huyện An Phú, bên trong có 03 bọc nylon trong suốt được hàn kín bên trong có tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 7,3632 gam (ký hiệu M1).

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín lại bên ngoài có chữ ký của Lê Thị Diễm, Nguyễn Văn Liệt, Huỳnh Xuân B, Lê Quốc T2 và được đóng dấu giáp lai bằng dấu tròn màu đỏ của Công an xã Khánh An, huyện An Phú, bên trong có: 01 (một) bọc nylon trong suốt được hàn kín chứa tinh thể màu trắng, khối lượng 1,4458 gam (ký hiệu M2) và 01 (một) bọc nylon trong suốt có rãnh khóa viên màu đỏ bên trong có chứa tinh thể màu trắng, khối lượng 31,6277 gam (ký hiệu M3). M2, M3 gửi đến giám định không phát hiện thành phần các chất ma túy theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Nghị định 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

Ngày 24/3/2021, Nguyễn Thị Cẩm V bị khởi tố để điều tra.

Cáo trạng số 51/CT-VKSAP-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố Nguyễn Thị Cẩm V về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai: Trưa ngày 16/3/2021, V đến công trình gần cầu Long Bình mượn xe mô tô của Trần Văn L1 nói chở người bạn đi Châu Đốc. Khoảng 14 giờ V đến kho xoài của B, lên gác sử dụng ma túy cùng B, T, H, L2. Sau đó V nhờ B đi cầm bông tai và dây chuyền vàng 18 kara để lấy tiền mua ma túy sử dụng. B mang số vàng đi cầm xong về đưa cho V giấy cầm đồ và 03 bọc ma túy. Khi V ra về thì B nói mua ma túy 9.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng B mượn. Khi về đến nhà tại ấp Tân Thạnh, thị trấn Long Bình V để 03 bọc nylon chứa ma túy gói trong khẩu trang lên vách nhà rồi nằm nghỉ, sau đó đầu óc của Trang quay quẩn, không muốn sử dụng ma túy nên V gọi điện thoại đến Công an thị trấn Long Bình tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đợi một lúc không thấy Công an đến, V tiếp tục gọi đến Ban ấp Tân Thạnh. Khi Công an đến, V tự nguyện giao nộp 03 bọc ma túy và khai ra nơi sử dụng ma túy tại kho xoài của B.

Ngoài ra, V còn cho biết V đã sử dụng ma túy khoảng một năm. V biết sử dụng ma túy là không tốt và vi phạm pháp luật, nhưng do buồn chuyện gia đình, nghỉ quần nên V sử dụng ma túy. Nay V không muốn sử dụng nữa, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có yêu cầu được nhận lại biên nhận cầm đồ để gia đình chuộc lại số vàng đã nhờ B cầm.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt.

Theo lời khai của Huỳnh Xuân B: B thừa nhận cầm vàng cho V được số tiền 10.000.000 đồng, chứ không mua ma túy cho V như lời khai của V. Việc V mua ma túy của ai B không biết. Còn ngày 16/3/2021 B có sử dụng ma túy cùng V, T, L2, H tại nơi ở của B, việc họ có mặt là do tự đến, B không rủ và không cho ai thuê, mượn địa điểm để sử dụng ma túy.

Theo lời khai của Trần Văn L1: L1 quen biết và sống như vợ chồng với V khoảng 05 năm. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16/3/2021 V đến chỗ L1 đang làm công trình gần cầu Long Bình mượn xe Future, màu xanh nói đi Châu Đốc chơi. Đến khoảng 18 giờ 30 phút thì L1 hay tin V bị Công an thị trấn Long Bình bắt giữ về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. L1 biết trước đây V có sử dụng ma túy, L1 có khuyên và V có hứa từ bỏ.

Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Bích L2 khai: Sáng ngày 16/3/2021, T có đến kho xoài của B sử dụng ma túy cùng B, Bích L2, H. Khi V đến thì T ra ngoài, không chứng kiến sự việc trao đổi giữa B và V. L2 không thừa nhận có sử dụng ma túy, còn việc trao đổi giữa B và V thì L2 không biết.

Lê Quốc N khai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/3/2021, B có đến tiệm cầm đồ “Bé Tư” (là của gia đình N) cầm 01 dây chuyền và 01 bông tai vàng 18K với số tiền 10.000.000 đồng. N có đưa biên lai cầm đồ cho B.

Những người chứng kiến Huỳnh Văn V và Lê Quốc T2 xác định có chứng kiến việc thu giữ ma túy tại nhà của V và việc khám xét tại kho xoài của B như nội dung vụ án.

Bị cáo, Luật sư, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; đề nghị căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại của vụ án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm của người bào chữa: Luật sư thống nhất điều khoản và mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, về tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo V. Bởi bị cáo sau khi tự thú, giao nộp ma túy cho Cơ quan Công an đã khai ra tự điểm sử dụng ma túy của B. Mặc dù chưa chứng minh được B có mua ma túy theo lời khai của V hay không nhưng đã xác định được hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của B, T, H, L2 và cơ quan chức năng đã áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với B và T. Đồng thời đã xóa được tự điểm sử dụng ma túy tại kho xoài của B, ổn định trật tự tại địa phương. Từ đó đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị cáo về việc cho bị cáo được nhận lại biên nhận cầm đồ để gia đình bị cáo tự xử lý với chủ tiệm cầm đồ.

Trong phần tranh luận, đối đáp, đại diện Viện kiểm sát thống nhất với quan điểm của Luật sư, thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo V.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người chứng kiến đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và Hội đồng xét xử đã công bố các lời khai này tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, Luật sư không có ý kiến. Xét việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người chứng kiến. Căn cứ vào các lời khai; Biên bản tiếp nhận người phạm tội tự thú ngày 16/3/2021 của Công an huyện An Phú; kết luận giám định số 59/KLGT-PC09 (MT) ngày 23/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V đã có hành vi cất giữ trái phép 7,3632 gam chất ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng nhưng đã không sử dụng mà chủ động gọi điện thoại cho Công an đến nhà tại ấp Tân Thạnh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang giao nộp. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm trật tự quản lý hành chính và sự quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà nước và làm mất an ninh trật tự tại

địa phương. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V theo Cáo trạng số 51/CT-VKSAP-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về tính chất vụ án: Ma túy là chất hướng thần, gây nghiện và nó được coi là cái “chết trắng” đối với mọi người. Trong thực tế mọi người đều muốn loại trừ hẳn ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Nhà nước ta cũng đã có nhiều biện pháp, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm ngăn chặn, đẩy lùi việc mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy bởi tính nguy hiểm cao độ của nó. Người sử dụng ma túy trước hết sẽ bị ảnh hưởng về sức khỏe, trí tuệ, kinh tế gia đình... Ma túy nó còn là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác như: Trộm cắp, cướp giật, giết người... Cho nên, chế T quy định trong Bộ luật Hình sự đối với các tội về ma túy là rất nghiêm khắc, mức hình phạt cao nhất đối với tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” đến tù chung thân.

Tình hình tội phạm ma túy trên cả nước nói chung và địa bàn huyện An Phú nói riêng đang diễn biến phức tạp và ngày càng gia tăng về số lượng người sử dụng. Số người nghiện mới có xu hướng trẻ hóa và sử dụng nhiều loại ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp (ma túy đá) rất nguy hiểm. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được tính nguy hiểm của ma túy, nhưng vì thiếu suy nghĩ, chỉ trong phút quẩn bách chuyện tình cảm, gia đình đã sa vào con đường nghiện ngập, trở thành tội phạm. Mục đích bị cáo tàng trữ ma túy là để sử dụng, động cơ và nguyên nhân bị cáo sử dụng ma túy là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy mà Nhà nước, xã hội đang ra sức thực hiện. Vì vậy, cần thiết phải có hình tương xứng tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đặc biệt bị cáo tự nhận thấy được tác hại và sự nguy hiểm của chất ma túy nên chủ động không sử dụng mà tự thú, giao nộp ma túy cho cơ quan chức năng. Khi tự thú, bị cáo đã khai ra tụ điểm sử dụng ma túy tại kho xoài của B, giúp cơ quan chức năng phát hiện hành vi sử dụng ma túy của các đối tượng khác, đưa xử lý theo quy định, đồng thời xóa bỏ được tụ điểm sử dụng ma túy, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, đang bị bệnh, có con còn nhỏ (con 7 tuổi), nên có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, nên được áp dụng Điều

54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức khung hình phạt bị truy tố.

Với tính chất và sự nguy hiểm của ma túy cho xã hội; mức độ nguy hiểm của hành vi và đặc biệt là tình hình gia tăng loại tội phạm về ma túy trên địa bàn huyện An Phú, xét cần áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Từ những phân tích trên, xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật; chấp nhận quan điểm và đề nghị của người bào chữa, xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mới phạm tội lần đầu, có thái độ quyết tâm từ bỏ ma túy nên thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với Huỳnh Xuân B, Nguyễn Tấn T có hành vi sử dụng ma túy trái phép, cơ quan chức năng đã lập hồ sơ đưa B và T cai nghiện bắt buộc là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Bích L2 và Huỳnh Thanh H (Hải Già) cũng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, quá trình điều tra H và L2 đã bỏ đi khỏi địa phương. Kiến nghị Công an huyện An Phú tiếp tục điều tra làm rõ hành vi vi phạm của L2 và H để xử lý theo quy định.

Đối với Lê Quốc N là người phụ trách tiệm cầm đồ “Bé Tư” có nhận cầm dây chuyền, bông tai do B mang đến cầm. N hoàn toàn không biết việc B cầm hộ cho V để mua ma túy sử dụng. Do đó Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với N là có căn cứ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, V, B, N đều không có yêu cầu giải quyết về số vàng, tiền cầm đồ, tiền cho mượn. Do đó không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, V có yêu cầu được nhận lại biên nhận cầm đồ để gia đình liên hệ chuộc lại số vàng nhờ B cầm tại tiệm cầm đồ “Bé Tư”. Xét yêu cầu này của bị cáo là có căn cứ, nên trả lại biên nhận cầm đồ cho bị cáo để bị cáo, N, B tự giải quyết giao dịch dân sự này.

[6] Về vật chứng:

Vật chứng còn lại trong vụ án, gồm: 02 (hai) phong bì được niêm phong, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) áo sơ mi sọc, được xử lý như sau:

- Phong bì ghi số 01 bên trong có mẫu vật còn lại sau khi giám định, khối lượng 7,2323g, loại Methamphetamine là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

- Phong bì ghi số 02 bên trong có mẫu vật còn lại sau khi giám định, khối lượng 32,2601g, không phát hiện thành phần ma túy. Xét không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Bộ dụng cụ sử dụng ma túy là vật không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Chiến áo sơ mi sọc, tay ngắn là của Huỳnh Xuân B. Xét không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; các điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 16/3/2021 (*Ngày mười sáu tháng ba năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì ghi số 01 được niêm phong có in dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang và có các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng Khoa, Lê Thị Diễm, bên trong có mẫu vật còn lại sau giám định, khối lượng 7,2323 gam, loại Methamphetamine;

+ 01 (một) phong bì ghi số 02 được niêm phong có in dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang và có các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng Khoa, Lê Thị Diễm bên trong có mẫu vật còn lại sau giám định, khối lượng 32,2601 gam, không chứa thành phần ma túy.

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

+ 01 (một) áo sơ mi sọc, tay ngắn.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

- Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V phiếu cầm đồ ghi ngày 4 tháng 2 năm 2021 của DNTN Tiệm vàng “Bé Tư”, tên người cầm: B, in chữ màu đỏ.

(Phiếu cầm đồ lưu trong Hồ sơ vụ án tại bút lục số 115).

4. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo. Thời hạn kháng cáo của bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2021). Thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (1);
- THA DS huyện An Phú (1);
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người L2 quan (4);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu